

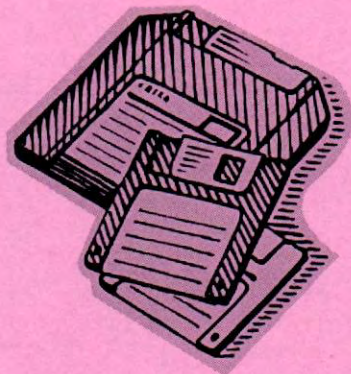
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 4 NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT  
PETRO MIỀN TRUNG**

**ĐC: LÔ 04 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC - ĐIỆN BÀN- QUẢNG NAM**

**MST 4000 462724**

**QUẢNG NAM, THÁNG 1 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>299,787,762,542</b>	<b>271,670,499,341</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>36,576,431,751</b>	<b>32,628,439,242</b>
1. Tiền	111		36,576,431,751	32,628,439,242
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>204,082,364,052</b>	<b>178,222,716,950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	154,235,041,876	138,313,514,746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	36,868,303,004	38,200,028,176
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		10,600,000,000	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	3,992,711,231	3,164,645,000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	(1,613,692,059)	(1,455,470,972)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>13,860,424,230</b>	<b>34,268,535,845</b>
1. Hàng tồn kho	141		13,860,424,230	34,268,535,845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>45,268,542,509</b>	<b>26,550,807,304</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4,230,555,557	1,862,442,283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40,271,098,158	24,610,979,017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	766,888,794	77,386,004
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,011,312,405,115</b>	<b>1,006,506,795,826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,504,500,000</b>	<b>61,473,763,254</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	13,504,500,000	61,473,763,254
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>408,987,645,959</b>	<b>207,770,893,622</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	408,987,645,959	207,293,620,888
- Nguyên giá	222		493,738,811,524	277,947,480,489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(84,751,165,565)	(70,653,859,601)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	477,272,734
- Nguyên giá	228		4,636,363,636	4,636,363,636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,636,363,636)	(4,159,090,902)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>94,327,181,818</b>	<b>94,327,181,818</b>
- Nguyên giá	231		94,327,181,818	94,327,181,818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>172,982,836,429</b>	<b>165,642,817,102</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	172,982,836,429	165,642,817,102
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>137,000,000,000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	-	137,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>321,510,240,909</b>	<b>340,292,140,030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	312,808,880,723	330,694,409,559
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		289,237,409	155,224,666
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	5.8	8,412,122,777	9,442,505,805
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,311,100,167,657</b>	<b>1,278,177,295,167</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>843,038,506,322</b>	<b>773,251,993,661</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>632,212,189,930</b>	<b>522,270,791,319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	132,176,656,556	169,622,409,282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	5,764,058,223	9,068,015,542
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	19,302,177,055	6,777,825,024
4. Phải trả người lao động	314		689,049,734	656,221,624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	214,208,947
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	2,115,509,850	6,215,069,825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	472,149,323,000	329,701,625,563
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,415,512	15,415,512
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>210,826,316,392</b>	<b>250,981,202,342</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.14	40,000,000	77,299,000,000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	101,820,421,308	108,951,384,806
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	108,091,342,800	59,388,515,800
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		874,552,284	5,342,301,736
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>468,061,661,335</b>	<b>504,925,301,506</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>468,061,661,335</b>	<b>504,925,301,506</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		379,498,470,000	330,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		379,498,470,000	330,000,000,000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		48,132,047,334	81,124,435,941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(33,636,712,380)	32,283,290,231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		81,768,759,715	48,841,145,710
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.20	40,431,144,001	93,800,865,565
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,311,100,167,657</b>	<b>1,278,177,295,167</b>

Quảng Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Thị Linh Thường



Nguyễn Thị Bích Thùy

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 4		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán	01	6.1	331,469,668,892	273,651,276,780	1,258,561,038,209	919,620,002,905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	17,162,338,210	12,570,566,805	47,225,149,954	39,896,421,626
<b>3. Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>314,307,330,682</b>	<b>261,080,709,975</b>	<b>1,211,335,888,255</b>	<b>879,723,581,279</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>284,464,269,878</b>	<b>207,476,784,628</b>	<b>1,006,172,058,468</b>	<b>727,110,771,712</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về</b>	<b>20</b>		<b>29,843,060,804</b>	<b>53,603,925,347</b>	<b>205,163,829,787</b>	<b>152,612,809,567</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3,338,467,762	2,453,281,373	22,129,260,749	18,362,791,862
7. Chi phí tài chính	22	6.5	8,621,602,872	7,376,555,939	33,655,025,844	25,470,989,565
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,587,481,792	7,305,267,899	33,460,106,203	25,399,701,525
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	92,909,768	-	1,512,466,841
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	18,507,165,743	28,168,370,757	82,413,644,422	73,927,617,361
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	7,234,292,189	7,618,212,399	31,169,765,197	24,466,574,439
<b>11. Lợi nhuận thuần</b>	<b>30</b>		<b>(1,181,532,238)</b>	<b>12,986,977,393</b>	<b>80,054,655,073</b>	<b>48,622,886,905</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	15,428,632,002	4,207,136,776	34,941,975,442	12,231,850,081
13. Chi phí khác	32	6.7	1,258,999,619	446,347,931	10,787,192,951	2,591,432,346
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>14,169,632,383</b>	<b>3,760,788,845</b>	<b>24,154,782,491</b>	<b>9,640,417,735</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12,988,100,145</b>	<b>16,747,766,238</b>	<b>104,209,437,564</b>	<b>58,263,304,640</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,885,513,000	6,389,271,126	20,674,839,427	10,900,432,626
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(527,860,410)	2,139,023,731	(4,601,762,195)	843,990,127
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>11,630,447,555</b>	<b>8,219,471,381</b>	<b>88,136,360,332</b>	<b>46,518,881,887</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		13,806,768,547	7,324,146,582	81,768,760,218	48,841,187,255
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2,176,320,993)	871,168,424	6,367,600,114	(2,322,325,368)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		384	222	2,372	1,480

Người lập

Nguyễn Thị Linh Thường

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Đông Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Mẫu số B 03 – DN/HN**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Thuyết**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>104,209,437,564</b>	<b>58,263,284,640</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		23,631,372,736	17,869,414,262
- Các khoản dự phòng	03		158,221,087	1,100,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33,877,583,500)	(10,682,992,233)
- Chi phí lãi vay	06		33,460,106,203	25,399,701,525
- Các khoản điều chỉnh khác	07		0	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>127,581,554,091</b>	<b>90,717,346,234</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16,067,760,391	45,643,858,429
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20,408,111,615	(11,491,302,955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(128,831,344,476)	(22,578,356,405)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16,547,798,590	(37,578,961,223)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33,460,106,203)	(25,399,701,525)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8,605,744,532)	(12,080,446,977)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(503)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>9,708,028,972</b>	<b>27,232,435,578</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(241,596,155,774)	(145,855,694,609)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		29,095,262,358	200,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,600,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	277,575,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(125,000,000,000)	(237,449,702,096)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		150,700,000,000	36,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		490,332,516	18,321,134,840
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(196,910,560,900)</b>	<b>(51,209,261,865)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

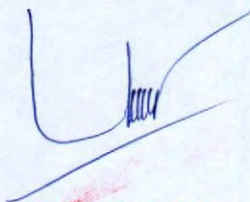
Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,483,134,494,942	915,808,298,219
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,291,983,970,505)	(890,552,182,266)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>191,150,524,437</b>	<b>25,256,115,953</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3,947,992,509</b>	<b>1,279,289,666</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>32,628,439,242</b>	<b>31,349,149,576</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>36,576,431,751</b>	<b>32,628,439,242</b>

Quảng Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập



Nguyễn Thị Linh Thường

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 09 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 18 ngày 14/09/2018

Vốn điều lệ của Công ty là 379.498.470.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng*).

##### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

##### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;*
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

##### Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh sau:

STT	Chi nhánh	Địa bàn
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty có các Công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	85.56%	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, KP Long Điền phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	71,67%	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	65%	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### **Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

### **3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Công ty mẹ), Báo

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

cáo tài chính Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas (Công ty con), Công ty TNHH Gas Miền Trung (Công ty con), Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas, Công ty TNHH Gas Miền Trung, Công ty TNHH Trung Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Kết quả kinh doanh hợp nhất được tổng hợp từ kết quả kinh doanh của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và kết quả kinh doanh của các Công ty con bao gồm:

Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Gas Miền Trung từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Trung Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### **4.5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

#### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

#### 4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

##### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 – 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Thương hiệu sản phẩm	03 năm
----------------------	--------

**4.8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.

**4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

#### **4.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

##### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

#### **4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

#### 4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

#### 4.15. Thuế

##### *Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):*

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

##### *Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):*

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

*Các loại thuế khác:* theo quy định hiện hành của Việt Nam.

#### 4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **4.18. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 8.7

#### **4.19. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty có lĩnh vực kinh doanh chính là: kinh doanh thương mại khí hóa lỏng.

**Khu vực địa lý:**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu tại miền Trung và miền Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Tiền mặt	14,581,555,751	15,293,255,588
Tiền gửi ngân hàng	21,994,876,000	17,335,183,654
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36,576,431,751</b>	<b>32,628,439,242</b>
<b>5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>154,235,041,876</b>	<b>138,313,514,746</b>
Công ty TNHH Dầu khí Xanh	3,317,747,435	3,109,299,718
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	6,246,092,832	5,965,909,318
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và cho thuê thiết bị	17,179,477,327	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	127,491,724,282	129,238,305,710
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	-	-
<b>5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>36,868,303,004</b>	<b>38,200,028,176</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	30,000,000,000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Saiko	30,014,227,000	2,977,776,399
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Bạch Hổ	2,654,278,788	2,330,000,000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4,199,797,216	2,892,251,777
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3,992,711,231</b>	-	<b>3,164,645,000</b>	-
- Phải thu khác	1,578,101,981	-	2,105,386,802	-
- Tạm ứng	1,700,000,000	-	56,607,627	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713,699,000	-	713,699,000	-
- Phải trả, phải nộp khác	910,250	-	288,951,571	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13,504,500,000</b>	-	<b>61,473,763,254</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	13,504,500,000	-	24,501,545,254	-
+ Công ty TNHH Petronas Việt Nam	-	-	10,745,000,000	-
+ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	4,067,000,000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam- chi nhánh Miền Trung	9,437,500,000	-	9,437,500,000	-
+ Đối tượng khác	-	-	4,319,045,254	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	36,972,218,000	-
+ Lãi cho vay bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	182,218,000	-
+ Nguyễn Thị Bích Thủy (*)	-	-	36,790,000,000	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	-	-	<b>36,972,218,000</b>	-
- Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	36,972,218,000	-

(\*) Theo thoả thuận ngày 30/4/2016 giữa Công ty TNHH Gas Miền Trung (Bên A) và bà Nguyễn Thị Bích Thủy (Bên B), Bên A sẽ chuyển cho bên B số tiền 79.390.000.000 VND để Bên B hỗ trợ Bên A trong việc mua bán, làm thủ tục bảo đảm để mở LC nhập khẩu bồn Gas tại dự án cảng Tam Hiệp. Sau khi kết thúc hợp đồng mua bán Bên B sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho Bên A.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**5.5 . NỢ XẤU***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>						
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	742,837,437	-	(742,837,437)	742,837,437	-	(742,837,437)
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Trung Nam	158,221,087	-	(158,221,087)	-	-	-
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	712,633,535	-	(712,633,535)	712,633,535	-	(712,633,535)
<b>Cộng</b>	<b>1,613,692,059</b>	<b>-</b>	<b>(1,613,692,059)</b>	<b>1,455,470,972</b>	<b>-</b>	<b>(1,455,470,972)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

5.6 . HÀNG TỒN KHO	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	2,030,641,072	-	8,631,920,959	-
Công cụ, dụng cụ	47,380,936	-	30,490,875	-
Chi phí SXKD dở dang	1,027,133,715	-	107,428,607	-
Thành phẩm nhập kho	432,322,842	-	1,054,317,871	-
Hàng hóa	10,322,945,665	-	24,444,377,533	-
<b>Cộng</b>	<b>13,860,424,230</b>	<b>-</b>	<b>34,268,535,845</b>	<b>-</b>
<b>5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC</b>			<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
a) Ngắn hạn			4,230,555,557	1,862,442,283
b) Dài hạn			312,808,880,723	330,694,409,559
<b>Cộng</b>			<b>317,039,436,280</b>	<b>332,556,851,842</b>
<b>5.8 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>				<b>Số kỳ này</b>
Số dư đầu kỳ				9,442,505,805
Phát sinh tăng				-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ				1,030,383,028
<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>8,412,122,777</b>
<b>Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con</b>				
Công ty TNHH Trung Nam				147,249,152
Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas				8,264,873,626
<b>Cộng</b>				<b>8,412,122,778</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	50,850,991,921	191,835,256,589	34,626,083,408	592,693,571	42,455,000	<b>277,947,480,489</b>
Tăng trong kỳ	7,379,082,347	221,180,831,236	4,856,014,682		840,208,182	<b>234,256,136,447</b>
- Mua trong kỳ					840,208,182	<b>840,208,182</b>
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7,379,082,347	221,180,831,236	4,856,014,682			<b>233,415,928,265</b>
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ	37,962,000	18,426,843,412				<b>18,464,805,412</b>
- Thanh lý, nhượng bán		18,426,843,412				<b>18,426,843,412</b>
- Giảm khác	37,962,000					<b>37,962,000</b>
Số dư cuối kỳ	58,192,112,268	394,589,244,413	39,482,098,090	592,693,571	882,663,182	<b>493,738,811,524</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	9,805,411,752	47,270,364,527	13,221,856,935	328,394,787	27,831,600	<b>70,653,859,601</b>
Tăng trong kỳ	1,960,013,946	17,619,437,970	3,480,160,700	57,596,093	36,891,293	<b>23,154,100,002</b>
- Số khấu hao trong kỳ	1,960,013,946	17,619,437,970	3,480,160,700	57,596,093	36,891,293	<b>23,154,100,002</b>
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ	37,962,000	9,018,832,038				<b>9,056,794,038</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		9,018,832,038				<b>9,018,832,038</b>
- Giảm khác	37,962,000					<b>37,962,000</b>
Số dư cuối kỳ	11,727,463,698	55,870,970,459	16,702,017,635	385,990,880	64,722,893	<b>84,751,165,565</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	41,045,580,169	144,564,892,062	21,404,226,473	264,298,784	14,623,400	<b>207,293,620,888</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	46,464,648,570	338,718,273,954	22,780,080,455	206,702,691	817,940,289	<b>408,987,645,959</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ					4,636,363,636	<b>4,636,363,636</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất						
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	4,636,363,636	<b>4,636,363,636</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ					4,159,090,902	<b>4,159,090,902</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	477,272,734	<b>477,272,734</b>
- Số khấu hao trong kỳ					477,272,734	<b>477,272,734</b>
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	4,636,363,636	<b>4,636,363,636</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	477,272,734	<b>477,272,734</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	94,327,181,818	-	-	94,327,181,818
Quyền sử dụng đất	89,200,704,545			89,200,704,545
Nhà	5,126,477,273			5,126,477,273
Tổn thất do suy giảm giá trị				-
Quyền sử dụng đất				
Nhà				
Giá trị còn lại	94,327,181,818	-	-	94,327,181,818
Quyền sử dụng đất	89,200,704,545			89,200,704,545
Nhà	5,126,477,273			5,126,477,273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2018	01/01/2018
+ Xây dựng kho chứa - chiết nạp Gas (*)	172,982,836,429	165,469,048,054
+ Xây dựng chi nhánh tại Huế	-	173,769,048
<b>Cộng</b>	<b>172,982,836,429</b>	<b>165,642,817,102</b>

(\*) Chi phí đầu tư xây dựng dự án kho chứa chiết nạp Gas tại Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 33321000130 cấp lần đầu ngày 10/04/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/11/2015. Tổng mức đầu tư của dự án là 200 tỷ đồng, thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 10/04/2015.

Trong quá trình đầu tư xây dựng, có phát sinh thêm phần tuyến ống đầu nối từ Cảng Trường Hải về đến kho chứa của Công ty (ngoài dự toán của Công ty). Ngày 30/06/2018 Công ty đã có Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư với Ban quản lý kinh tế mở Chu Lai về tình hình dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**5.13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b1) Ngắn hạn						
b2) Dài hạn						
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái				137,000,000,000		(*)
				137,000,000,000		(*)

**- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	Số 1A/8 đường Châu Văn Lồng, khu phố Long Điền, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, Đồng Nai	19,86%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí	690,000,000,000

(\*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số 8.5 IV - Giá trị hợp lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>132,176,656,556</b>	<b>132,176,656,556</b>	<b>169,622,409,282</b>	<b>169,622,409,282</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	58,083,995,687	58,083,995,687	138,363,878,719	138,363,878,719
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung	5,752,952,645	5,752,952,645	7,983,586,182	7,983,586,182
Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	66,511,494,584	66,511,494,584	20,541,790,551	20,541,790,551
Phải trả cho các đối tượng khác	1,828,213,640	1,828,213,640	2,733,153,830	2,733,153,830
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>40,000,000</b>	<b>40,000,000</b>	<b>77,299,000,000</b>	<b>77,299,000,000</b>
Taizhou City Hualian Foreign trade co.,ltd	-	-	77,299,000,000	77,299,000,000
Công ty TNHH Dầu khí xanh	40,000,000	40,000,000	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>5,764,058,223</b>	<b>5,764,058,223</b>	<b>9,068,015,542</b>	<b>9,068,015,542</b>
Công ty TNHH Tân Nhà Việt	-	-	4,724,117,503	4,724,117,503
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Vinh Quang	-	-	2,035,022,000	2,035,022,000
KNHC ENGINEERING Co.; Ltd	2,613,233,663	2,613,233,663	6,583,777	6,583,777
CTY CP TM VGAS	1,765,000,000	1,765,000,000	706,369,863	706,369,863
Đối tượng khác	1,385,824,560	1,385,824,560	1,595,922,399	1,595,922,399
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>				
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>	<b>6,777,825,024</b>	<b>29,345,174,961</b>	<b>16,820,822,930</b>	<b>19,302,177,055</b>
Thuế GTGT	249,320,535	8,250,075,549	7,897,070,960	602,325,124
Thuế TNDN	6,527,617,088	20,766,460,691	8,605,744,532	18,688,333,247
Thuế TNCN	887,401	12,422,652	1,791,369	11,518,684
Các loại thuế khác	-	316,216,069	316,216,069	-
<b>Cộng</b>	<b>6,777,825,024</b>	<b>29,345,174,961</b>	<b>16,820,822,930</b>	<b>19,302,177,055</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu kỳ</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Thuế GTGT	2,450,305	475,839,000	-	478,289,305
Thuế xuất, nhập kh:	0	1,865,345,175	1,638,755,175	226,590,000
Thuế TNDN	1,155,810	-	1,155,810	-
Thuế TNCN	73,779,889	-	11,770,400	62,009,489
<b>Cộng</b>	<b>77,386,004</b>	<b>2,341,184,175</b>	<b>1,651,681,385</b>	<b>766,888,794</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2,115,509,850</b>	<b>6,215,069,825</b>
Kinh phí công đoàn	43,019,886	30,454,526
Bảo hiểm xã hội	5,170,754	904,016
Bảo hiểm y tế	134,400	-
Phải trả, phải nộp khác	2,067,184,810	6,180,774,921
Phải thu khác	-	2,936,362
<b>b) Dài hạn</b>	<b>101,820,421,308</b>	<b>108,951,384,806</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	101,820,421,308	108,951,384,806
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**5.18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>472,149,323,000</b>	<b>472,149,323,000</b>	<b>1,367,979,391,942</b>	<b>1,225,531,694,505</b>	<b>329,701,625,563</b>	<b>329,701,625,563</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - chi nhánh Hội An (1)	301,808,111,000	301,808,111,000	979,508,494,444	876,130,383,444	198,430,000,000	198,430,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Quảng Nam (2)	100,440,000,000	100,440,000,000	266,420,000,000	245,780,000,000	79,800,000,000	79,800,000,000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (3)	-	-	9,449,685,498	11,803,987,061	2,354,301,563	2,354,301,563
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng (4)	18,100,000,000	18,100,000,000	60,800,000,000	64,530,000,000	21,830,000,000	21,830,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	43,808,000,000	43,808,000,000	43,808,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Quảng Nam (6)	7,993,212,000	7,993,212,000	7,993,212,000	7,287,324,000	7,287,324,000	7,287,324,000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>108,091,342,800</b>	<b>108,091,342,800</b>	<b>115,155,103,000</b>	<b>66,452,276,000</b>	<b>59,388,515,800</b>	<b>59,388,515,800</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	87,116,920,800	87,116,920,800	108,675,103,000	55,712,000,000	34,153,817,800	34,153,817,800
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (6)	18,044,422,000	18,044,422,000	2,500,000,000	8,640,276,000	24,184,698,000	24,184,698,000
- Ông Nguyễn Tiến Dũng (7)	-	-	0	1,050,000,000	1,050,000,000	1,050,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (8)	2,930,000,000	2,930,000,000	3,980,000,000	1,050,000,000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>580,240,665,800</b>	<b>580,240,665,800</b>	<b>1,483,134,494,942</b>	<b>1,291,983,970,505</b>	<b>389,090,141,363</b>	<b>389,090,141,363</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	330,000,000,000			73,943,412,767	32,283,290,231	436,226,702,998
Tăng vốn năm trước				92,179,132,919		92,179,132,919
Lãi trong năm trước				(2,322,325,368)	48,841,187,255	46,518,861,887
Tăng khác						-
Giảm do thoái vốn				69,999,352,113		69,999,352,113
Giảm khác				2,640	41,545	44,185
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>330,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>93,800,865,565</b>	<b>81,124,435,941</b>	<b>504,925,301,506</b>
Tăng vốn trong kỳ	49,498,470,000					49,498,470,000
Lãi trong kỳ				6,367,600,114	81,768,760,218	88,136,360,332
Tăng do thoái vốn trong kỳ						-
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ				59,737,321,678	114,761,148,323	174,498,470,000
Giảm khác				1	502	503
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>379,498,470,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40,431,144,001</b>	<b>48,132,047,334</b>	<b>468,061,661,335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Vốn góp của các đối tượng khác	100%		330,000,000,000
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu kỳ		330,000,000,000	330,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		49,498,470,000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối kỳ		379,498,470,000	330,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
<b>d) Cổ phiếu</b>		<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		37,949,847	33,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		37,949,847	33,000,000
- Cổ phiếu phổ thông		37,949,847	33,000,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 đồng	10.000 đồng
<b>5.20 . LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT</b>		<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Công ty TNHH Gas Miền Trung		6,274,618,599	4,005,436,846
Công ty TNHH Trung Nam		5,335,816,698	5,250,541,288
Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas		28,820,708,705	84,544,887,431
<b>Cộng</b>		<b>40,431,144,002</b>	<b>93,800,865,565</b>
<b>5.21 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH</b>			
<b>6 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a) Doanh thu</b>		<b>1,258,561,038,209</b>	<b>919,620,002,905</b>
Doanh thu bán hàng		1,249,748,594,092	905,817,887,515
Doanh thu cung cấp dịch vụ		8,812,444,117	13,802,115,390
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>1,258,561,038,209</b>	<b>919,620,002,905</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại		46,756,920,366	39,896,421,626
Giảm giá hàng bán		468,229,588	
<b>Cộng</b>		<b>47,225,149,954</b>	<b>39,896,421,626</b>
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng đã bán		997,566,569,772	722,359,359,509
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		8,605,488,696	4,751,412,203
<b>Cộng</b>		<b>1,006,172,058,468</b>	<b>727,110,771,712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền gửi, cho vay	490,332,516	10,355,709,553
Lãi bán các khoản đầu tư	13,700,000,000	7,706,176,279
Lãi chênh lệch tỷ giá	99,595,738	204,450,000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7,839,332,495	96,456,030
Doanh thu tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22,129,260,749</b>	<b>18,362,791,862</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Lãi tiền vay	33,460,106,203	25,399,701,525
Lỗ chênh lệch tỷ giá	194,919,641	71,288,040
<b>Cộng</b>	<b>33,655,025,844</b>	<b>25,470,989,565</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	19,687,250,984	120,454,536
Lãi chậm thanh toán	-	1,028,107,952
Phân bổ cược vỏ bình gas	13,816,524,064	10,291,191,575
Các khoản khác	1,438,200,394	792,096,018
<b>Cộng</b>	<b>34,941,975,442</b>	<b>12,231,850,081</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
Chi phí trả vỏ bình Gas	7,407,632,520	-
Các khoản khác	3,379,560,431	2,591,452,346
<b>Cộng</b>	<b>10,787,192,951</b>	<b>2,591,452,346</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>82,413,644,422</b>	<b>73,927,617,360</b>
Chi phí nhân viên	9,254,883,424	8,797,245,337
Chi phí phân bổ vỏ bình, công cụ dụng cụ	32,423,035,524	34,024,280,752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,640,944,803	3,747,637,027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,313,474,226	-
Chi phí bán hàng khác	18,781,306,445	27,358,454,244
<b>b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>31,169,765,197</b>	<b>24,466,574,439</b>
Chi phí nhân viên	11,384,380,897	9,883,560,538
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	110,857,159	661,936,543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,325,009,318	3,063,561,940
Chi phí bảo lãnh	-	1,460,311,758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,449,935,722	1,584,447,838
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác khác	11,899,582,101	7,812,755,822
<b>Cộng</b>	<b>113,583,409,619</b>	<b>98,394,191,799</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	20,674,839,427	10,900,432,626
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>20,674,839,427</b>	<b>10,900,432,626</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4,601,762,195)	843,990,127
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(4,601,762,195)</b>	<b>843,990,127</b>

**6.11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	81,768,760,218	48,841,187,255
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	81,768,760,218	48,841,187,255
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34,478,173	33,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2,372</b>	<b>1,480</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**8.3 . Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

**8.4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như :

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 30/06/2018</b>	<b>194,804,184,858</b>	<b>13,504,500,000</b>	<b>208,308,684,858</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,576,431,751	-	36,576,431,751
Phải thu khách hàng	154,235,041,876	-	154,235,041,876
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	3,992,711,231	13,504,500,000	17,497,211,231
<b>Trừ:</b>	<b>(1,613,692,059)</b>	<b>-</b>	<b>(1,613,692,059)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,613,692,059)	-	(1,613,692,059)
<b>Tổng cộng</b>	<b>193,190,492,799</b>	<b>13,504,500,000</b>	<b>206,694,992,799</b>
Các khoản vay và nợ	472,149,323,000	108,091,342,800	580,240,665,800
Phải trả người bán	132,176,656,556	40,000,000	132,216,656,556
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải tr.	2,115,509,850	101,820,421,308	103,935,931,158
<b>Tổng cộng</b>	<b>606,441,489,406</b>	<b>209,951,764,108</b>	<b>816,393,253,514</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(413,250,996,607)</b>	<b>(196,447,264,108)</b>	<b>(609,698,260,715)</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 năm trở lên</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Ngày 01/01/2018</b>	<b>174,106,598,988</b>	<b>198,473,763,254</b>	<b>372,580,362,242</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	32,628,439,242	-	32,628,439,242
Phải thu khách hàng	138,313,514,746	-	138,313,514,746
Đầu tư	-	137,000,000,000	137,000,000,000
Phải thu khác	3,164,645,000	61,473,763,254	64,638,408,254
<b>Trừ:</b>	<b>(1,455,470,972)</b>	<b>-</b>	<b>(1,455,470,972)</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,455,470,972)	-	(1,455,470,972)
<b>Tổng cộng</b>	<b>172,651,128,016</b>	<b>198,473,763,254</b>	<b>371,124,891,270</b>
Các khoản vay và nợ	329,701,625,563	59,388,515,800	389,090,141,363
Phải trả người bán	169,622,409,282	77,299,000,000	246,921,409,282
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải tr.	6,429,278,772	108,951,384,806	115,380,663,578
<b>Tổng cộng</b>	<b>505,753,313,617</b>	<b>245,638,900,606</b>	<b>751,392,214,223</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(333,102,185,601)</b>	<b>(47,165,137,352)</b>	<b>(380,267,322,953)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.5 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

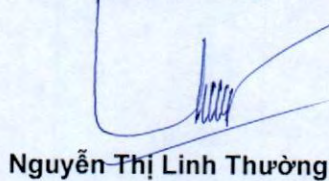
**8.7 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy